

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2021/HNGĐ-ST

Ngày 07/ 9/ 2021

V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Bạc Thị Liên
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Quàng Văn Minh
2. Ông Mùa A Phênh
- Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung -
Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ.

Ngày 07/9/2021. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 225/2021/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 54/2021/QĐXX-ST ngày 19/8/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lò Văn C - Sinh năm 1985 (có mặt).
Trú tại: Bản H, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.
2. Bị đơn: Chị Lò Thị H - Sinh năm 1988 (vắng mặt có lý do).
Trú tại: Bản H, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 22/6/2021 và các bản tự khai tại Tòa án nhân dân huyện Đ, anh Lò Văn C (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và chị Lò Thị H tổ chức đám cưới theo phong tục và có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ vào ngày 22/8/2007. Chúng tôi kết hôn là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Kết hôn và chung sống được một thời gian dài đến tháng 2/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống vợ chồng thường xảy ra tranh cãi, hai bên gia đình đã hòa giải nhưng không thành, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Chúng tôi đã ly thân từ tháng 3/2021 cô H đã về bên ngoại sinh sống không quay lại thăm nom gì tôi. Vì tình cảm vợ chồng không còn nên tôi làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết cho tôi được ly hôn với cô H.

2. Về con chung: Anh C và chị H có hai con chung Lò Xuân D sinh ngày 18/02/2008 và Lò Thị Tuyết B, sinh ngày 16/11/2014. Quan điểm anh C hiện hai

cháu đang ở bên nội cùng bố nên muốn nuôi cả hai cháu cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung hai anh chị tự thỏa thuận không đề nghị tòa án giải quyết.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Anh C không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09/8/2021 và đơn xin xét xử vắng mặt chị Lò Thị H (bị đơn) trình bày như sau:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh C lấy nhau có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ vào ngày 22/8/2007. Chúng tôi kết hôn là tự nguyện, không bị ai ép buộc là đúng. Chung sống hạnh phúc đến tháng 9 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, anh C và tôi thường xuyên xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn trầm trọng đã được cả hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Tôi đã bỏ về bên ngoại sống tháng 3/2021 cho đến nay không quay lại nhà chồng. Anh C cũng không quan tâm đến tôi nên tôi cảm thấy tình cảm không còn, cuộc hôn nhân không hạnh phúc anh C làm đơn ly hôn tôi đồng ý.

2. Về phần con chung: Lò Xuân D sinh ngày 18/02/2008 và Lò Thị Tuyết B, sinh ngày 16/11/2014.

Quan điểm của tôi xin được nuôi dưỡng cháu B cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động. Đề anh C nuôi cháu D. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về; Diện tích ruộng nương: Không có nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện bản thân tôi đang phải đi làm thuê xa nhà không về tham gia phiên Tòa được, đề nghị Tòa xét xử vắng mặt tôi ý kiến tôi đã trình bày trong bản tự khai, ngoài ra tôi không có ý kiến gì thêm.

Tại phiên tòa hôm nay anh C vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Anh đồng ý để chị H nuôi cháu B và không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản như nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai anh đã trình bày.

- Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Tố tụng. Bị đơn có địa chỉ tại Bản H, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên do vậy vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa chị H có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh C tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện Đ. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp

pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau bất đồng quan điểm sống đã được hai bên gia đình hòa giải không thành và hai anh chị đã ly thân từ tháng 3/2021 cho đến nay.

Theo lời khai của anh C và tại đơn xác minh về tình trạng hôn nhân của anh Cương cung cấp theo trường bản và UBND xã N xác nhận ngày 10/8/2021 cho thấy anh C và chị H về chung sống với nhau từ năm 2007 tại bản Huổi P, xã N đến tháng 9 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do anh tính tình không hợp nhau, sau khi hòa giải không thành chị H quay về nhà ngoại sinh sống từ tháng 3 năm 2021 cho đến nay không quay lại nhà chồng. Vì tình cảm không còn cuộc hôn nhân không có hạnh phúc nên anh C làm đơn xin ly hôn.

Tại bản tự khai ngày 09/8/2021 và đơn xin xét xử vắng mặt gửi cho Tòa án chị H đồng ý ly hôn về con chung hai anh chị đã thống nhất từ khi ly thân cho con gái về nhà ngoại theo mẹ và con trai theo bố và theo nguyện vọng của cháu D muốn sống cùng bố.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên nhân chính do hai anh chị bất đồng quan điểm sống tính tình không hợp nhau thường xảy ra cãi vã dẫn đến ly thân, cả hai không có ý định quay lại hàn gắn tình cảm mà cùng đồng ý ly hôn.

Để đảm bảo quyền lợi của cả hai anh chị và để giải phóng cho anh C thoát khỏi tình trạng hiện tại khi mà cuộc hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc cho anh, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vì mục đích của hôn nhân không đạt được. Áp dụng Điều 51, và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của anh C xử cho ly hôn giữa anh Lò Văn C và chị Lò Thị H.

[3] Về con chung: Anh C và chị H có nguyện vọng mỗi người nuôi một con. Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyện vọng này của anh chị là phù hợp với qui định của luật hôn nhân gia đình và có xem xét nguyện vọng cháu D. Để đảm bảo quyền lợi cho các cháu và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của hai anh chị, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao cháu B cho chị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi d-ỡng. Giao cháu D cho anh C trực tiếp nuôi.

Không bên nào phải cấp d-ỡng nuôi con. Anh C và chị H có quyền đi lại thăm nom giáo dục con chung, không ai đ-ợc cản trở.

[4] Về tài sản: Tài sản riêng; Tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng, nương: Chấp nhận việc hai anh chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Anh Lò Văn C phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 69, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Anh Lò Văn C được ly hôn với chị Lò Thị H
2. Về con chung: Giao cháu Lò Xuân D, sinh ngày 10/12/2008 cho anh Lò Văn C được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi d-ỡng cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động.

Giao cháu Lò Thị Tuyết B, sinh ngày 16/11/2014 cho chị Lò Thị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi d-ỡng cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động. Không bên nào phải cấp d-ỡng nuôi con chung.

Ng-ời không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai đ-ợc cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản: Chấp nhận việc không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản của nguyên đơn và bị đơn.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, anh Lò Văn C phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, anh C đã nộp tạm ứng số tiền 300.000đ theo biên lai số: AA/2020/0000920 ngày 22/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. (anh C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bạc Thị Liên

